

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **67/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 30/9/2022

V/v: ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên tòa:* Ông Lê Tự Sinh

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Phi Hùng

Ông Đặng Công Thắng

- *Thư ký Phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành Phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành Phố Đà Nẵng tham gia Phiên tòa: Bà Võ Hồng Thắng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành Phố Đà Nẵng mở Phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 52/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/11/2021, về việc “*ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2022 và quyết định hoãn Phiên tòa số: 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Dương Anh D**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 03 Trung Sơn, xã HL, huyện HV, TP Đà Nẵng. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ P**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Room 402, 24, Gohwa-ro 9 – gil (9-7, Maesan – ro 2 – ga), Paldal – gu, Suwon – si, Gyeonggi-do, Korea. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 20/10/2021, bản tự khai và tại Phiên tòa nguyên đơn ông Dương Anh D trình bày ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ P kết hôn vào ngày 26 tháng 10 năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện HV, thành Phố Đà Nẵng. Ông bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Bà P sang Hàn Quốc từ tháng 03/2019 cho đến nay.

Từ đó đến nay bà P không trở về Việt Nam. Vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm. Nay ông D xác định tình cảm giữa vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, ông D đề nghị Tòa án nhân dân thành Phố Đà Nẵng giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ P.

Về con chung: Ông D xác định có 01 con chung tên là Dương Anh Khang, sinh ngày 15/6/2012. Ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Dương Anh Khang cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông D xác định không có

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ P đã được Tòa án cấp tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở Phiên họp, Phiên tòa; nhưng quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại Phiên hòa tòa ngày 30/9/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ P vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại Phiên tòa, Kiểm sát viên Phát biểu ý kiến như sau:*

- Về việc tuân theo Pháp luật tố tụng của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Phiên tòa, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Dương Anh D đối với bà Nguyễn Thị Mỹ P; Về quan hệ con chung; tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết án phí HNGĐ sơ thẩm, các chi phí tố tụng, ông Dương Anh D Phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại Phiên tòa, kết quả tranh tụng tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Ông Dương Anh D có Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành Phố Đà Nẵng giải quyết cho ông được ly hôn đối bà Nguyễn Thị Mỹ P; Hiện bà P là công dân Việt Nam, đang cư trú và sinh sống tại địa chỉ Room 402, 24, Gohwa-ro 9 – gil (9-7, Maesan – ro 2 – ga), Paldal – gu, Suwon – si, Gyeonggi-do, Korea. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành Đà Nẵng thụ lý, giải quyết yêu

cầu khởi kiện của ông Dương Anh D là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 35, điều 37, Điều 38 khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành Phố Đà Nẵng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở Phiên họp, Phiên tòa và giấy triệu tập cho bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ P, thông qua cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài - Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Đồng thời, thực hiện việc ủy thác tư pháp thu thập chứng cứ lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Mỹ P.

Ngày 14/3/2022, Tòa án đã nhận được Công điện số: 240/ĐSQ-LS ngày 14/3/2022 của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc và Biên bản xác nhận ngày 11/3/2022. Theo đó, nội dung công điện và biên bản thể hiện như sau: Đại sứ quán đã thực hiện tổng đạt, niêm yết công khai Thông báo số 52/TB-TLVA ngày 11/11/2021 của Tòa án nhân dân thành Phố Đà Nẵng và Thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán 30 ngày nhưng không nhận được phản hồi của đương sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm, khoản 3 Điều 477 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Anh D và bà Nguyễn Thị Mỹ P có tình cảm và yêu thương nhau, làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 26/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã HL huyện HV, thành Phố Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 113/2011. Việc đăng ký kết hôn giữa ông Dương Anh D và bà Nguyễn Thị Mỹ P là hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Dương Anh D và bà Nguyễn Thị Mỹ P được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Quá trình chung sống, ông D và bà P Phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mỗi người sinh sống mỗi nơi, bà P sinh sống tại Việt Nam, còn ông D sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ; Bất đồng về quan điểm và không hòa hợp nhau, thường xuyên cãi vã; không có sự chăm sóc và chia sẻ với nhau về vật chất và tinh thần trong đời sống hôn nhân. Vợ chồng ly thân từ thời điểm năm 2019 bà P sang Hàn Quốc cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông Dương Anh D đối với bà Nguyễn Thị Mỹ P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Dương Anh D.

[3.3] Về con chung: Ông D xác định có 01 con chung tên là Dương Anh Khang, sinh ngày 15/6/2012. Ly hôn, ông D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Dương Anh Khang cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Dương Anh Khang hiện do ông D trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu là được ở với ba, do mẹ đi làm ăn xa. Khi nào mẹ về thì cháu ở với mẹ.

Hiện nay, Cháu Khang đã trên 7 tuổi cho nên Hội đồng xét xử xét giao cháu Dương Anh Khang cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là đảm bảo quyền về mọi mặt của con chưa thành niên, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông D không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung: Ông D không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Ông D xác định không có;

Bà P không có ý kiến phản hồi về Phần tài sản chung, nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3.6] Về án phí: Ông Dương Anh D Phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

[3.7] Về lệ phí: Ông Dương Anh D Phải chịu phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

[3.8] Về chi phí tố tụng khác:

Về chi phí thực hiện việc ủy thác ra nước ngoài, tổng đạt văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Mỹ P, ông D Phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 35; Điều 37, Điều 38, Điều 470; Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 56; Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Điều 147, Điều 149, Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Dương Anh D đối với bà Nguyễn Thị Mỹ P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Dương Anh D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ P.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Dương Anh Khang, sinh ngày 21/8/2019 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Dương Anh Khang đủ 18 tuổi;

Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đối với con chưa thành niên sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đề cập giải quyết.

5. Về án phí: Ông Dương Anh D Phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (*ba trăm ngàn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án Phí mà ông D đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004804 ngày 11/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành Phố Đà Nẵng. Vậy, ông D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về lệ phí: Ông Dương Anh D Phải chịu 200.000 lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 200.000 đồng mà bà Trang đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004826 ngày 24/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành Phố Đà Nẵng. Ông D đã nộp đủ tiền án lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

7. Về chi phí tố tụng khác: Về chi phí cấp tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài cho bị đơn: Ông D đã nộp và chi trả xong.

8. Về quyền kháng cáo: Ông Dương Anh D có mặt tại Phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp, bà Nguyễn Thị Mỹ P vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày cấp tổng đạt và niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân xã HL;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Tự Sinh

